

Thanh khoản gia tăng

Hoạt động giao dịch trong nước

Trong tuần vừa qua, thanh khoản trên thị trường đánh dấu chuỗi chín tuần tăng trưởng liên tiếp. Cụ thể, tổng giá trị giao dịch trên toàn thị trường đạt 519 nghìn tỷ đồng, tăng 2.4% so với tuần trước. Thêm vào đó, thanh khoản tiếp tục mở rộng, cho thấy dòng tiền vẫn ủng hộ thị trường. Nhờ đó, xu hướng tăng hiện tại được củng cố thêm độ bền vững.

Xét theo từng nhóm nhà đầu tư, hoạt động giao dịch ở nhóm cá nhân và tổ chức trong nước có phần chững lại, ghi nhận tăng lần lượt 7.5% và 3.6% so với tuần liền trước.

Hoạt động giao dịch tự doanh

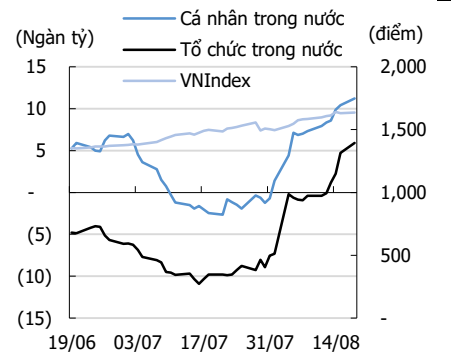
Trong tuần vừa qua, nhóm tự doanh đã đảo chiều xu hướng khi quay lại mua ròng, với tổng giá trị đạt khoảng 835 tỷ đồng. Cụ thể, các mã thu hút lượng vốn vào phần lớn tập trung ở VPB (+515 tỷ đồng), FUEVFN30 (+394 tỷ đồng), E1VFN30 (+147 tỷ đồng), MWG (+145 tỷ đồng) và HPG (+136 tỷ đồng). Ở hướng ngược lại, các mã bị rút vốn nhiều nhất, bao gồm MBB (-428 tỷ đồng), ACB (-150 tỷ đồng), VIC (-94 tỷ đồng), VNM (-82 tỷ đồng) và CTG (-80 tỷ đồng).

Hoạt động giao dịch khối ngoại

Nhóm khối ngoại tiếp tục duy trì đà bán ròng năm tuần liên tiếp, nhưng áp lực đã hạ nhiệt đáng kể. Cụ thể, tổng giá trị vốn ra ghi nhận khoảng 8.2 nghìn tỷ đồng, giảm 36.1% so với tuần trước đó.

Đáng chú ý, áp lực bán diễn ra chủ yếu ở các nhóm cổ phiếu vốn hóa lớn như FPT (-2.2 nghìn tỷ đồng), HPG (-1.5 nghìn tỷ đồng), MBB (-612 tỷ đồng), SSI (-597 tỷ đồng) và VHM (-521 tỷ đồng). Ở hướng ngược lại, dòng tiền chủ yếu đến từ CMG (+188 tỷ đồng), VIX (+187 tỷ đồng), VJC (+167 tỷ đồng), KDH (+135 tỷ đồng) và HDG (+105 tỷ đồng).

Hình 1. Giá trị tích lũy ròng



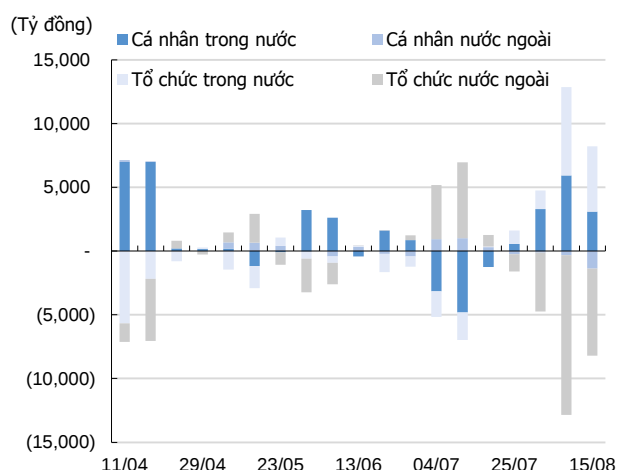
Nguồn: Fiinpro X, KIS Research
Lưu ý: Giá trị tích lũy tính từ tháng 1/23

Bảng 1: Hoạt động giao dịch theo nhóm nhà đầu tư

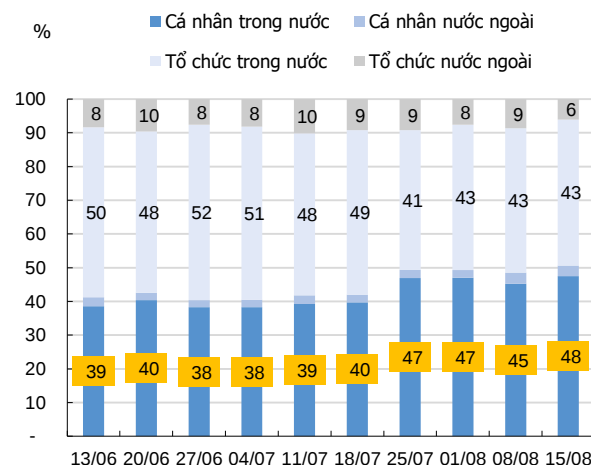
Nhóm nhà đầu tư	Giá trị mua (nghìn tỷ đồng)				Giá trị bán (nghìn tỷ đồng)				Giá trị ròng (nghìn tỷ đồng)			
	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD	1W	1M	3M	YTD
Cá nhân nước ngoài	97.3	417.2	893.9	1,063.1	96.8	407.5	891.6	1,070.6	0.5	9.7	2.3	(7.5)
Cá nhân trong nước	105.2	431.3	808.7	1,757.0	104.0	421.7	798.5	1,714.3	1.2	9.6	10.2	42.7
Tổ chức nước ngoài	14.1	68.4	162.6	296.4	15.2	87.2	176.0	333.3	(1.1)	(18.9)	(13.4)	(36.9)
Tổ chức trong nước	6.8	24.2	42.0	47.2	7.4	24.6	41.1	45.6	(0.6)	(0.4)	0.9	1.7
Tự doanh	6.3	25.7	53.0	94.9	7.9	28.3	57.8	103.4	(1.6)	(2.6)	(4.7)	(8.4)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

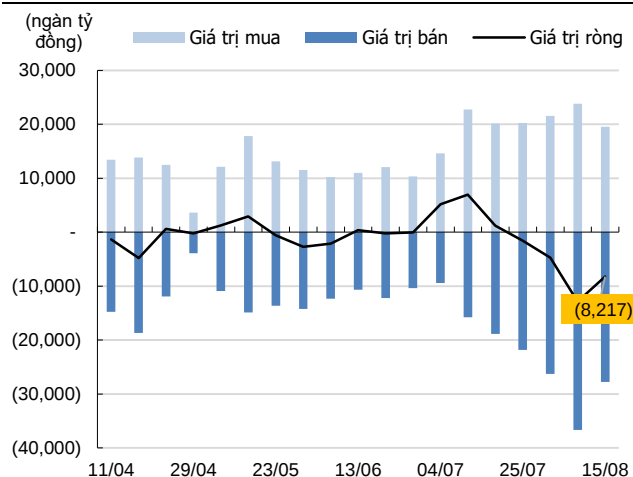
Research Dept
Researchdept@kisvn.vn

Hình 2. Diễn biến giao dịch theo nhóm nhà đầu tư

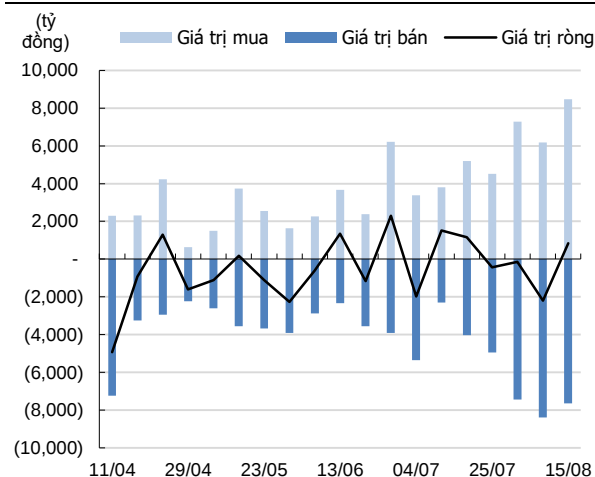
Nguồn: Fiinpro X, KIS Research

Hình 3. Tỷ trọng giá trị giao dịch theo nhóm nhà đầu tư

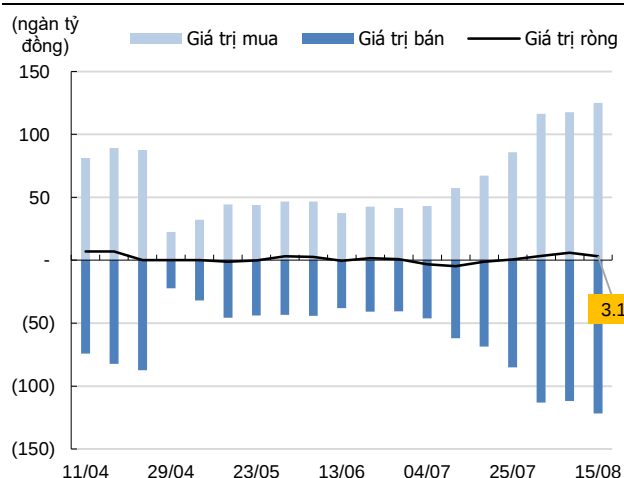
Nguồn: Fiinpro X, KIS Research

Hình 4. Giao dịch từ nhà đầu tư nước ngoài

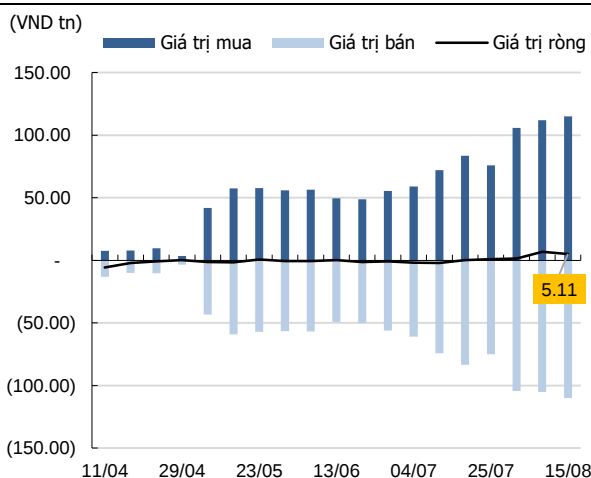
Nguồn: Fiinpro X, KIS Research

Hình 5. Giao dịch tự doanh

Nguồn: Fiinpro X, KIS Research

Hình 6. Giao dịch từ nhà đầu tư cá nhân trong nước

Nguồn: Fiinpro X, KIS Research

Hình 7. Giao dịch từ nhà đầu tư tổ chức trong nước

Nguồn Bloomberg, Fiinpro X, KIS Research

Bảng 2. CP mua ròng của cá nhân trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(4.0)	3,805.9	(2,596.2)	1,209.7
MBB	Ngân hàng	23.2	5,400.7	(4,482.3)	918.3
HPG	Nguyên vật liệu	0.0	5,824.8	(4,948.7)	876.0
SSI	Tài chính	3.0	6,954.0	(6,260.7)	693.2
VHM	Tài chính	(0.8)	1,244.9	(741.0)	503.9
VIX	Tài chính	21.8	3,124.1	(2,785.2)	338.9
VCG	Công nghiệp	2.3	1,427.7	(1,160.1)	267.6
EIB	Ngân hàng	11.2	2,542.0	(2,289.1)	253.0
VCB	Ngân hàng	3.9	1,827.8	(1,586.9)	240.9
CII	Công nghiệp	38.0	3,120.1	(2,914.1)	206.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 3. CP bán ròng của cá nhân trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VSC	Công nghiệp	34.9	1,673.6	(2,389.1)	(715.5)
TCB	Ngân hàng	(0.7)	2,550.5	(3,045.7)	(495.2)
GEX	Công nghiệp	(6.1)	2,199.1	(2,652.3)	(453.1)
VPB	Ngân hàng	5.2	2,781.6	(3,172.9)	(391.3)
HCM	Tài chính	3.9	1,712.7	(2,026.8)	(314.1)
MSN	Hàng Tiêu dùng	8.3	4,264.6	(4,488.9)	(224.3)
SHB	Ngân hàng	11.8	5,176.6	(5,381.3)	(204.7)
VCI	Tài chính	(0.4)	1,980.7	(2,165.2)	(184.4)
GEE	Công nghiệp	1.8	306.1	(464.9)	(158.7)
BSI	Tài chính	7.3	371.7	(525.8)	(154.0)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 4. CP mua ròng của tổ chức trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(4.0)	3,548.3	(2,503.5)	1,044.8
VSC	Công nghiệp	34.9	1,925.8	(1,188.2)	737.6
HPG	Nguyên vật liệu	0.0	5,289.6	(4,624.0)	665.6
TCB	Ngân hàng	(0.7)	3,106.2	(2,532.0)	574.3
GEX	Công nghiệp	(6.1)	2,634.1	(2,070.8)	563.2
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(2.1)	2,057.1	(1,661.2)	395.9
FUEVFN D	Tài chính	3.4	414.4	(33.0)	381.4
SHB	Ngân hàng	11.8	5,238.4	(4,922.6)	315.9
VPB	Ngân hàng	5.2	4,300.8	(4,015.0)	285.8
MSN	Hàng Tiêu dùng	8.3	3,059.6	(2,781.6)	278.0

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 5. CP bán ròng của tổ chức trong nước (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIX	Tài chính	21.8	3,621.4	(4,147.8)	(526.4)
MBB	Ngân hàng	23.2	4,460.9	(4,766.7)	(305.8)
CII	Công nghiệp	38.0	2,069.9	(2,357.3)	(287.3)
PDR	Tài chính	12.7	1,910.3	(2,131.9)	(221.6)
VCG	Công nghiệp	2.3	1,405.1	(1,620.9)	(215.8)
STB	Ngân hàng	(0.2)	1,081.8	(1,283.3)	(201.5)
EIB	Ngân hàng	11.2	1,711.5	(1,896.6)	(185.1)
VJC	Dịch vụ Tiêu dùng	19.8	1,382.7	(1,535.8)	(153.0)
HDB	Ngân hàng	10.5	3,031.9	(3,177.1)	(145.2)
PC1	Công nghiệp	7.8	397.8	(537.1)	(139.4)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 6. CP mua ròng của tổ chức nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VPB	Ngân hàng	5.2	1,143.9	(886.5)	257.4
VJC	Dịch vụ Tiêu dùng	19.8	270.7	(48.3)	222.4
CMG	Công nghệ Thông tin	8.3	236.3	(45.8)	190.5
VND	Tài chính	3.6	224.1	(115.5)	108.6
GMD	Công nghiệp	1.2	248.1	(142.2)	105.9
PDR	Tài chính	12.7	180.0	(98.5)	81.5
CII	Công nghiệp	38.0	222.6	(146.9)	75.7
KDH	Tài chính	12.0	186.0	(110.3)	75.7
NVL	Tài chính	(2.2)	231.8	(162.4)	69.3
SHB	Ngân hàng	11.8	535.2	(472.9)	62.3

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 7. CP bán ròng của tổ chức nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(4.0)	814.9	(2,733.8)	(1,918.8)
HPG	Nguyên vật liệu	0.0	309.0	(1,796.4)	(1,487.4)
SSI	Tài chính	3.0	414.7	(992.4)	(577.6)
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(2.1)	281.6	(737.3)	(455.8)
MBB	Ngân hàng	23.2	234.4	(638.6)	(404.2)
VHM	Tài chính	(0.8)	166.3	(557.6)	(391.3)
FUEVFVND	Tài chính	3.4	19.3	(399.0)	(379.7)
CTG	Ngân hàng	2.7	251.4	(525.6)	(274.2)
DGC	Nguyên vật liệu	(3.6)	64.2	(265.5)	(201.3)
NLG	Tài chính	5.4	84.6	(251.9)	(167.3)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 8. CP mua ròng của cá nhân nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
VIX	Tài chính	21.8	191.0	(7.0)	184.0
TPB	Ngân hàng	0.8	260.0	(166.9)	93.1
HDG	Tài chính	13.4	117.5	(38.2)	79.3
STB	Ngân hàng	(0.2)	382.9	(310.3)	72.6
CTG	Ngân hàng	2.7	265.4	(201.9)	63.5
KDH	Tài chính	12.0	110.1	(50.7)	59.4
HCM	Tài chính	3.9	132.7	(74.4)	58.3
MSN	Hàng Tiêu dùng	8.3	265.7	(214.8)	50.9
BID	Ngân hàng	3.3	62.0	(16.5)	45.5
IMP	Dược phẩm và Y tế	2.0	40.5	(0.2)	40.3

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 9. CP bán ròng của cá nhân nước ngoài (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(4.0)	267.5	(603.1)	(335.6)
VCB	Ngân hàng	3.9	238.8	(481.4)	(242.5)
MBB	Ngân hàng	23.2	39.9	(248.3)	(208.4)
SHB	Ngân hàng	11.8	20.6	(194.1)	(173.5)
VPB	Ngân hàng	5.2	167.1	(319.0)	(151.9)
VHM	Tài chính	(0.8)	172.1	(302.0)	(129.9)
GMD	Công nghiệp	1.2	78.1	(163.1)	(85.0)
TCB	Ngân hàng	(0.7)	158.9	(230.4)	(71.6)
BMP	Công nghiệp	(4.4)	15.8	(81.9)	(66.1)
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(2.1)	131.9	(197.1)	(65.2)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 10. Top 10 CP mua ròng của khối ngoại (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
CMG	Công nghệ Thông tin	8.3	236.6	(47.8)	188.7
VIX	Tài chính	21.8	460.2	(272.7)	187.4
VJC	Dịch vụ Tiêu dùng	19.8	345.0	(177.5)	167.5
KDH	Tài chính	12.0	296.1	(161.0)	135.1
HDG	Tài chính	13.4	182.4	(74.9)	107.6
VPB	Ngân hàng	5.2	1,311.0	(1,205.5)	105.5
CII	Công nghiệp	38.0	352.1	(270.8)	81.3
PDR	Tài chính	12.7	253.2	(173.3)	79.9
TCH	Tài chính	(0.4)	134.8	(61.2)	73.6
TPB	Ngân hàng	0.8	357.9	(291.2)	66.8

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 11. Top 10 CP bán ròng của khối ngoại (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
FPT	Công nghệ Thông tin	(4.0)	1,082.4	(3,336.9)	(2,254.4)
HPG	Nguyên vật liệu	0.0	735.4	(2,277.0)	(1,541.7)
MBB	Ngân hàng	23.2	274.3	(886.9)	(612.6)
SSI	Tài chính	3.0	504.6	(1,101.6)	(597.0)
VHM	Tài chính	(0.8)	338.4	(859.6)	(521.2)
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(2.1)	413.5	(934.4)	(520.9)
FUEVFNVD	Tài chính	3.4	19.8	(399.4)	(379.7)
VCB	Ngân hàng	3.9	398.9	(760.8)	(361.9)
DGC	Nguyên vật liệu	(3.6)	123.2	(376.0)	(252.8)
NLG	Tài chính	5.4	113.3	(344.9)	(231.6)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 12. Top CP mua ròng của tự doanh (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Sàn	%	Mua	Bán	Ròng
VPB	Ngân hàng	5.2	1,769.8	(1,254.8)	515.0
FUEVFNVD	Tài chính	3.4	412.9	(18.8)	394.1
E1VFVN30	Tài chính	3.6	164.9	(17.5)	147.4
MWG	Dịch vụ Tiêu dùng	(2.1)	442.6	(296.7)	145.9
HPG	Nguyên vật liệu	0.0	649.1	(512.3)	136.7
FPT	Công nghệ Thông tin	(4.0)	589.3	(476.1)	113.2
GEX	Công nghiệp	(6.1)	247.2	(136.1)	111.1
GEE	Công nghiệp	1.8	141.2	(47.5)	93.7
MSN	Hàng Tiêu dùng	8.3	341.7	(271.1)	70.5
SHB	Ngân hàng	11.8	191.2	(123.4)	67.7

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Bảng 13. Top CP bán ròng của tự doanh (đồng, %tuần, tỷ đồng)

Mã	Ngành	%	Mua	Bán	Ròng
MBB	Ngân hàng	23.2	193.0	(621.3)	(428.3)
ACB	Ngân hàng	9.5	182.5	(333.1)	(150.6)
VIC	Tài chính	1.0	109.4	(204.0)	(94.6)
VNM	Hàng Tiêu dùng	0.3	136.4	(219.1)	(82.7)
CTG	Ngân hàng	2.7	127.1	(207.6)	(80.5)
OPC	Dược phẩm và Y tế	(0.9)	0.0	(73.0)	(73.0)
VCI	Tài chính	(0.4)	12.5	(78.7)	(66.2)
VHM	Tài chính	(0.8)	162.6	(228.6)	(66.0)
TCB	Ngân hàng	(0.7)	251.5	(304.1)	(52.6)
PNJ	Hàng Tiêu dùng	0.5	1.7	(49.2)	(47.5)

Nguồn: FiinproX, KIS Research

Global Disclaimer

■ General

This research report and marketing materials for Vietnamese securities are originally prepared and issued by the Research Center of KIS Vietnam Securities Corp., an organization licensed with the State Securities Commission of Vietnam. The analyst(s) who participated in preparing and issuing this research report and marketing materials is/are licensed and regulated by the State Securities Commission of Vietnam in Vietnam only. This report and marketing materials are copyrighted and may not be copied, redistributed, forwarded or altered in any way without the consent of KIS Vietnam Securities Corp..

This research report and marketing materials are for information purposes only. They are not and should not be construed as an offer or solicitation of an offer to purchase or sell any securities or other financial instruments or to participate in any trading strategy. This research report and marketing materials do not provide individually tailored investment advice. This research report and marketing materials do not consider individual investor circumstances, objectives or needs, and are not intended as recommendations of particular securities, financial instruments or strategies to any particular investor. The securities and other financial instruments discussed in this research report and marketing materials may not be suitable for all investors. The recipient of this research report and marketing materials must make their own independent decisions regarding any securities or financial instruments mentioned herein and investors should seek the advice of a financial adviser. KIS Vietnam Securities Corp. does not undertake that investors will obtain any profits, nor will it share with investors any investment profits. KIS Vietnam Securities Corp., its affiliates, or their affiliates and directors, officers, employees or agents of each of them disclaim any and all responsibility or liability whatsoever for any loss (director consequential) or damage arising out of the use of all or any part of this report or its contents or otherwise arising in connection therewith. Information and opinions contained herein are subject to change without notice and may differ or be contrary to opinions expressed by other business areas or KIS Vietnam Securities Corp. The final investment decision is based on the client's judgment, and this research report and marketing materials cannot be used as evidence in any legal dispute related to investment decisions.

■ Country-specific disclaimer

United States: This report is distributed in the U.S. by Korea Investment & Securities America, Inc., a member of FINRA/SIPC, and is only intended for major U.S. institutional investors as defined in Rule 15a-6(a)(2) under the U.S. Securities Exchange Act of 1934. All U.S. persons that receive this document by their acceptance thereof represent and warrant that they are a major U.S. institutional investor and have not received this report under any express or implied understanding that they will direct commission income to Korea Investment & Securities, Co., Ltd. or its affiliates. Pursuant to Rule 15a-6(a)(3), any U.S. recipient of this document wishing to affect a transaction in any securities discussed herein should contact and place orders with Korea Investment & Securities America, Inc., which accepts responsibility for the contents of this report in the U.S. The securities described in this report may not have been registered under the U.S. Securities Act of 1933, as amended, and, in such case, may not be offered or sold in the U.S. or to U.S. person absent registration or an applicable exemption from the registration requirement.

United Kingdom: This report is not an invitation nor is it intended to be an inducement to engage in investment activity for the purpose of section 21 of the Financial Services and Markets Act 2000 of the United Kingdom ("FSMA"). To the extent that this report does constitute such an invitation or inducement, it is directed only at (i) persons who are investment professionals within the meaning of Article 19(5) of the Financial Services and Markets Act 2000 (Financial Promotion) Order 2005 (as amended) of the United Kingdom (the "Financial Promotion Order"); (ii) persons who fall within Articles 49(2)(a) to (d) ("high net worth companies, unincorporated associations etc.") of the Financial Promotion Order; and (iii) any other persons to whom this report can, for the purposes of section 21 of FSMA, otherwise lawfully be made (all such persons together being referred to as "relevant persons"). Any investment or investment activity to which this report relates is available only to relevant persons and will be engaged in only with relevant persons. Persons who are not relevant persons must not act or rely on this report.

Hong Kong: This research report and marketing materials may be distributed in Hong Kong to institutional clients by Korea Investment & Securities Asia Limited (KISA), a Hong Kong representative subsidiary of Korea Investment & Securities Co., Ltd., and may not otherwise be distributed to any other party. KISA provides equity sales service to institutional clients in Hong Kong for Korean securities under its sole discretion, and is thus solely responsible for provision of the aforementioned equity selling activities in Hong Kong. All requests by and correspondence with Hong Kong investors involving securities discussed in this report and marketing materials must be affected through KISA, which is registered with The Securities & Futures Commission (SFC) of Hong Kong. Korea Investment & Securities Co., Ltd. is not a registered financial institution under Hong Kong's SFC.

Singapore: This report is provided pursuant to the financial advisory licensing exemption under Regulation 27(1)(e) of the Financial Advisers Regulation of Singapore and accordingly may only be provided to persons in Singapore who are "institutional investors" as defined in Section 4A of the Securities and Futures Act, Chapter 289 of Singapore. This report is intended only for the person to whom Korea Investment & Securities Co., Ltd. has provided this report and such person may not send, forward or transmit in any way this report or any copy of this report to any other person. Please contact Korea Investment & Securities Singapore Pte Ltd in respect of any matters arising from, or in connection with, the analysis or report (Contact Number: 65 6501 5600).

Copyright © 2025 KIS Vietnam Securities Corp. All rights reserved. No part of this report may be reproduced or distributed in any manner without permission of KIS Vietnam Securities Corp.